TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3025/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 16 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 lập tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1723/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1957

Địa chỉ: D đường số A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cước công dân số 031157017947

- Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1956

Địa chỉ: D đường số A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cước công dân số 031056009231

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T xác định ông bà tổ chức đám cưới vào ngày 31/7/1980 và sống chung từ đó đến nay. Đến năm 2003 thì bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T đăng ký kết hôn theo Nghị định 77/2001/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2003 Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/7/1980 thể hiện bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T là vợ chồng hợp pháp.

Do hôn nhân của bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T có 02 con chung tên Đỗ Vũ Hải M, sinh ngày 07/10/1981 và Đỗ Vũ Hoàng T1, sinh ngày 19/5/1983. Hai con chung đã trưởng thành

[3] Về tài sản chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly h ôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2003 Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/7/1980 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T có 02 con chung tên Đỗ Vũ Hải M, sinh ngày 07/10/1981 và Đỗ Vũ Hoàng T1, sinh ngày 19/5/1983. Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Vũ Thị N, ông Đỗ Ngọc T là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí. Xét thấy, hồ sơ đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí của bà Vũ Thị N, ông Đỗ Ngọc T là đầy đủ, đúng quy định nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức chấp nhận đề nghị. Bà Vũ Thị N, ông Đỗ Ngọc T được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Vinh